



## CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN LẠC TRỜI

Địa chỉ: 23 Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.  
Điện thoại: +84. 296 3841299 Fax: +84. 296 3841327  
GCNĐKDN số: 1600192619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp

---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2021

### TỜ TRÌNH / PROPOSAL

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

*Regarding the amendment and supplement of Internal Regulation of Corporate Governance*

---

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021**

*Respectfully address to: Annual General Meeting of Shareholders 2021*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thay thế Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

*Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 and documents guiding the implementation, replacement of Law on Enterprises No. 68/2014/QH13;*

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thay thế Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung năm 2010;

*Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 and documents guiding the implementation, replacement of Law on Securities No. 70/2006/QH11 amended and supplemented in 2010;*

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

*Pursuant to the Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of Government guidelines for implementation of some articles of the Law on Securities;*

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng,

*Pursuant to the Circular No. 116/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 of the Minister of Finance providing guidelines for implementation of some articles on administration of public companies,*

Nhằm đảm bảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty phù hợp với quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán về quản trị công ty đại chúng; đồng thời,

để đảm bảo thiết lập Điều lệ Công ty phù hợp với các thông lệ quản trị, điều hành cũng như tình hình hoạt động thực tế của Công ty,

*To ensure that the Internal Regulation of Corporate Governance is consistent with enterprises law, securities law on public corporate governance; simultaneously, to ensure the establishment of the Company Charter in accordance with the management and administration practices as well as the actual operations of the Company,*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo dự thảo Quy chế được cập nhật toàn diện (đính kèm).

*The Board of Directors submits to the Annual General Meeting of Shareholders 2021 for approval of the proposed amendments and supplements to the Internal Regulation of Corporate Governance according to the comprehensively updated draft Regulation (attached).*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*Respectfully address to General Meeting of Shareholders for consideration and approval.*

Trân trọng./.

Best regards./.

**Nơi nhận:**

- Như kính trình/ *As addressed;*
- Lưu văn thư/ *Archives.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**HUỲNH VĂN THÒN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



**QUY CHẾ NỘI BỘ  
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN LỘC TRỜI**

An Giang, ngày ..... tháng ..... năm 2021

# MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	5
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG .....	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh .....	5
Điều 2. Giải thích từ ngữ .....	5
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông .....	7
Điều 4. Nghĩa vụ của cổ đông lớn .....	8
Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin .....	8
Điều 6. Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc.....	9
Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng .....	10
CHƯƠNG III. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	10
Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ.....	10
Điều 9. Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	11
Điều 10. Cổ đông kiến nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông .....	12
Điều 11. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông .....	13
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết .....	14
Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông... ..	15
Điều 14. Biên bản Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 15. Công bố Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	17
CHƯƠNG IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 17. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản .....	18
Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 20: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	20
Điều 21. Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng .....	22
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 23. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	23
Điều 24. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	24
Điều 25. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 28. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	26
Điều 29. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng .....	26
CHƯƠNG V:.....	27
BAN KIỂM SOÁT .....	27
Điều 30. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát .....	27

Điều 31. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát .....	28
Điều 33. Thành phần Ban Kiểm soát .....	29
Điều 34. Trưởng ban kiểm soát .....	30
<b>CHƯƠNG VI: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>30</b>
Điều 35. Tổng Giám đốc.....	30
Điều 36. Người điều hành khác của Công ty .....	32
Điều 37. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với người điều hành công ty.....	33
Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người điều hành công ty .....	33
Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty.....	33
Điều 40. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị.....	34
<b>CHƯƠNG VII: QUY CHẾ LÀM VIỆC, MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>35</b>
Điều 41. Tổ chức bộ máy quản lý .....	35
Điều 42. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 43. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị .....	36
Điều 44. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	36
Điều 45. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc .....	37
Điều 46. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.....	37
Điều 47. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	38
<b>CHƯƠNG VIII. ....</b>	<b>39</b>
<b>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>39</b>
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	39
Điều 49. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này .....	40
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	42
<b>CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC .....</b>	<b>43</b>
Điều 51. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khá.....	43
Điều 52. Khen thưởng .....	43
Điều 53. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	43
<b>CHƯƠNG X: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>44</b>
Điều 54. Nghĩa vụ công bố thông tin .....	44
Điều 55. Tổ chức công bố thông tin.....	44
<b>CHƯƠNG XI .....</b>	<b>44</b>
<b>CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....</b>	<b>44</b>

00  
 ON  
 C  
 API  
 OC  
 QUYỀN

Điều 56. Giám sát.....	44
Điều 57. Xử lý vi phạm.....	44
<b>CHƯƠNG XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>44</b>
Điều 58. Điều khoản thi hành .....	44
Người đại diện theo pháp luật thứ nhất.....	45
Người đại diện theo pháp luật thứ hai.....	45

192  
G  
P  
00  
TR  
N-1



## CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN LỘC TRỜI

Địa chỉ: 23 Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.  
Điện thoại: +84. 296 3841299 Fax: +84. 296 3841327  
GCNĐKDN số: 1600192619 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp

# QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LỘC TRỜI

## PHẦN MỞ ĐẦU

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23 tháng 05 năm 2021, là cơ sở pháp lý cho hoạt động quản trị của Công ty.

## CHƯƠNG I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh

- 1.1 Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Đồng thời, Quy chế này thiết lập những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và những chuẩn mực về tiêu chuẩn, điều kiện, hành vi, đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và người quản lý khác của Công ty.
- 1.2 Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.
- 1.3 Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh bởi Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

2.1 Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

618  
TY  
AN  
TR  
I  
AN

2. “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
  3. “*Quản trị công ty*”: là hệ thống các nguyên tắc nhằm đảm bảo Công ty được định hướng, điều hành và kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi hợp pháp của cổ đông và những người liên quan đến Công ty, bao gồm:
    - a. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
    - b. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
    - c. Đảm bảo quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
    - d. Tôn trọng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty;
    - e. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
  4. “*Công ty*”: là Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời.
  5. “*Cổ đông lớn*”: là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
  6. “*Người quản lý công ty*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
  7. “*Người điều hành công ty*” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
  8. “*Người có liên quan*”: là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
  9. “*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
- 2.2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
- 2.3 Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.



## CHƯƠNG II

### CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

#### Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, chủ yếu là các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 3.1 Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 3.2 Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- 3.3 Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;  

Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- 3.4 Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.
- 3.5 Được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, cổ đông có quyền đề nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 3.6 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan đến việc rút vốn này trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3.7 Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 3.8 Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3.9 Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

3.10 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 4. Nghĩa vụ của cổ đông lớn**

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

4.1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

4.2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin**

5.1. Cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin theo quy định tại điểm 5, 6 khoản 13.2 Điều 13 của Điều lệ công ty sẽ thực hiện theo trình tự như sau:

1. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình phải gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời báo cho Công ty được biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng quản trị Công ty thông qua Thư ký Hội đồng quản trị.

2. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản cho Thư ký Hội đồng quản trị công ty để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên cho cổ đông bằng các phương thức phù hợp như trao trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc qua thư điện tử. Cổ đông phải trả phí cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu cổ đông có yêu cầu.

5.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên thực hiện các quyền yêu cầu quy định tại Khoản 13.3 Điều 13 của Điều lệ theo trình tự như sau:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục thông tin theo quy định tại điểm 3 Khoản 13.3 Điều 13 Điều lệ Công ty phải gửi yêu cầu bằng văn bản theo mẫu do Công ty ban hành.
2. Tổng Giám đốc xem xét yêu cầu cung cấp thông tin và phân công Thư ký công ty hoặc người khác cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản.
3. Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo quy định tại điểm 4 Khoản 13.3 Điều 13 Điều lệ Công ty thì phải gửi yêu cầu bằng văn bản theo quy định tại Điểm 4 khoản 13.3 Điều 13 tại Điều lệ Công ty gửi cho Trưởng Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
4. Cổ đông phải trả phí cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu cổ đông có yêu cầu.

#### **Điều 6. Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc**

- 6.1. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 13.3 Điều 13 Điều lệ Công ty muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo... phải đăng ký với Thư ký Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc xem xét quyết định làm việc với cổ đông hoặc cử người khác có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Thư ký Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).
- 6.2. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công

ty.

## **Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng**

- 7.1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.
- 7.2. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông thông qua các kênh sau:
  1. Trang thông tin điện tử chính thức của Công ty tại: <http://www.loctroi.vn>
  2. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng, tổ chức đăng ký giao dịch;
  3. Thông cáo báo chí của Công ty;
  4. Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;
  5. Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

## **CHƯƠNG III**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên**

- 8.1. Hội đồng quản trị Công ty quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 8.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:
  1. Xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội;
  2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
  3. Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập thông qua Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật và của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán;
  4. Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình đại hội, bao gồm cả danh sách và

thông tin chi tiết của các ứng cử viên đã xác định được trước trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

5. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của Đại hội;
  6. Công bố thông tin về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty, phương tiện, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán;
  7. Gửi thông báo mời họp trước ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi đi một cách hợp lệ trên cơ sở danh sách cổ đông do Tổng công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán cung cấp.
- 8.3. Thông báo mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu cần), chương trình họp, các tài liệu thảo luận cơ sở để thông qua quyết định, phiếu biểu quyết và dự thảo nghị quyết của Đại hội. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
- 8.4. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); Trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

- 8.5. Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức theo hình thức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

## **Điều 9. Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

- 9.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 13.3 Điều 13 của Điều lệ có

quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự sau:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số CCCD, CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

9.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 13.3 Điều 13 của Điều lệ có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

9.3. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi tiêu riêng của cổ đông dự họp) với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công ty là bên mua hàng.

#### **Điều 10. Cổ đông kiến nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông**

10.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 13.3 Điều 13 của Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi kiến nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất ba

(03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội dự kiến. Kiến nghị phải nêu rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND, CCCD, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp và các tài liệu kèm theo cần thiết.

2. Kiến nghị có thể bị từ chối nếu được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc tại thời điểm gửi kiến nghị, cổ đông, nhóm cổ đông không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 12.3 Điều 12 của Điều lệ Công ty. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Hội đồng quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
  3. Kiến nghị đáp ứng qui định điểm a, và không bị từ chối theo qui định điểm b Khoản 10.1 Điều này, phải chấp nhận và đưa vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 10.1 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 10.2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 13.3 Điều 13 của Điều lệ cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

#### **Điều 11. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

- 11.1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo các cách thức đã ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 11.2. Trường hợp không thể tham dự Đại hội, cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này. Việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự. Trong trường hợp không sử dụng mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp của Công ty (gửi kèm theo thông báo mời họp), thì văn bản ủy

quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 17.2 Điều 17 Điều lệ Công ty. Văn bản ủy quyền phải đảm bảo các yêu cầu về chữ ký sau đây:

1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì văn bản phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp, trừ trường hợp người được ủy quyền là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực để kiểm tra và phải nộp lại bản gốc văn bản ủy quyền trước khi vào họp.

11.3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Công ty;
4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

## **Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết**

- 12.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.
- 12.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.
- 12.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục



triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

- 13.1. Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 13.3 Điều 13 của Điều lệ Công ty có quyền phản đối biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được công bố trên website của Công ty.
- 13.2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 13.3 Điều 13 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy chế này;
  2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
- 13.3. Các nghị quyết vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 13.4. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

### **Điều 14. Biên bản Đại hội đồng cổ đông**

- 14.1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

14.2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Khoản 23.1 Điều 23 Điều lệ Công ty. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

14.3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại Đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung, biểu quyết thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 24.1 của Điều lệ Công ty. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

14.4. Chủ tọa, thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và người khác (nếu có) ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

14.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại các chi nhánh, văn phòng làm việc khác của Công ty theo quyết định của Tổng Giám đốc.

#### **Điều 15. Công bố Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Công ty phải công bố thông tin về Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trên website Công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn hai bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

## **Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

- 16.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- 16.2. Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
- 16.3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến, tài liệu kèm theo và công bố thông tin được thực hiện như quy định tại Điều lệ Công ty.
- 16.4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 22.4 Điều 22 Điều lệ Công ty.
- 16.5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và được gửi đến Công ty theo một trong các cách thức sau đây:
  1. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
  2. Gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Để bảo mật các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty theo cách này, cổ đông phải gửi Phiếu lấy ý kiến cho Công ty theo số Fax và/hoặc địa chỉ hộp thư điện tử (email) mà Công ty ghi trong phiếu lấy ý kiến.
  3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

16.6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 22.6 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

16.7. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

16.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại các chi nhánh, văn phòng làm việc khác của Công ty theo quyết định của Tổng Giám đốc.

16.9. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **CHƯƠNG IV**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 17. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**

17.1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị, quyền đề cử, ứng cử thành viên vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

17.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải gửi danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Ứng viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

- 17.3. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
- 17.4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

### **Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

- 18.1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc biểu quyết thông qua do Hội đồng quản trị đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 18.2. Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

### **Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

- 19.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.
- 19.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 19.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- 19.4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị

trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Khoản 27.4, Khoản 27.5 và Khoản 27.6 Điều 27 Điều lệ Công ty.

- 19.5 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng.

#### **Điều 20: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

- 20.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 20.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hằng năm của Công ty
  2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp
  5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  8. Thông qua dự án đầu tư hoặc hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 15% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
10. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
11. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
12. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
13. Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
14. Quyết định việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
15. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
16. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
17. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
18. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
19. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị và Thư ký công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này. Lương, thưởng, thù lao và chi phí hoạt động của Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị và Thư ký công ty được tính vào chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị.
20. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định

ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

20.3 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 21. Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị**

21.1 Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

21.2 Yêu cầu cung cấp thông tin phải được thể hiện bằng văn bản theo mẫu của Hội đồng quản trị và có các nội dung chủ yếu về nội dung chi tiết thông tin cần cung cấp và mục đích sử dụng, phương thức cung cấp thông tin.

21.3. Người phụ trách quản trị Công ty hoặc Thư ký Hội đồng quản trị chuyển yêu cầu cung cấp thông tin cho Tổng Giám đốc trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu. Tổng Giám đốc phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng quản trị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ.

21.4 Các thành viên Hội đồng quản trị khi tiếp nhận thông tin phải đảm bảo sử dụng đúng mục đích và bảo mật các thông tin được cung cấp theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế khác của Công ty. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường thiệt hại.

### **Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

22.1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.

22.2 Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty. Chủ yếu là các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;



2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
3. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
4. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
5. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

### **Điều 23. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 23.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
- 23.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty.
- 23.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  6. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị;
  7. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
  8. Trình báo cáo thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông.
  9. Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới các hình thức khác;
  10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

23.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 24. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

24.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

24.2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một (01) lần hoặc họp bất thường theo quy định tại Khoản 33.3 Điều 33 của Điều lệ công ty.

24.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát hoặc những người khác được mời có thể thảo luận, phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

24.4. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

24.5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến, họp trên

điện thoại hoặc hình thức khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị phù hợp với quy định tại Khoản 33.9 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 25. Thông báo họp Hội đồng quản trị**

- 25.1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- 25.2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

#### **Điều 26. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị**

- 26.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận. Việc ủy quyền phải bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày.
- 26.2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 26.1 Điều này;
  3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  4. Tham dự và biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác được quy định trong Điều lệ Công ty.
- 26.3. Trường hợp thành viên HĐQT gửi phiếu biểu quyết thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

## **Điều 27. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị**

- 27.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết.
- 27.2. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
- 27.3. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng quản trị.

## **Điều 28. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

- 28.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 34.1 Điều 34 Điều lệ Công ty. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 28.2. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.
- 28.3. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt) trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 28.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại các chi nhánh, văn phòng làm việc khác của Công ty theo quyết định của Tổng Giám đốc.

## **Điều 29. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị**

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trên trang website của công ty và cho các cơ quan có thẩm quyền theo trình tự và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG V**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 30. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

- 30.1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát, quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ công ty.
- 30.2. Cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề cử thành viên Ban Kiểm soát phải gửi danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Ban kiểm soát cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất hai (20) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Ứng viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.
- 30.3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
- 30.4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

#### **Điều 31. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

- 31.1. Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc biểu quyết thông qua do Hội đồng quản trị đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 31.2. Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

## **Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các quyền, nghĩa vụ sau:

- 32.1 Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
- 32.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 32.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 32.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- 32.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
- 32.6 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.



- 32.7 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- 32.8 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 32.9 Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- 32.10 Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 32.11 Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 32.12 Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty
- 32.13 Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 32.14 Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 32.15 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 32.16 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 33. Thành phần Ban Kiểm soát**

- 33.1 Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ

không hạn chế.

- 33.2 Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 33.3 Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Khoản 41.3 Điều 41 Điều lệ Công ty.
- 33.4 Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 34. Trưởng ban kiểm soát**

- 34.1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 34.2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 34.3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:
1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **CHƯƠNG VI**

#### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

##### **Điều 35. Tổng Giám đốc**

- 35.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
- 35.2 Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- 35.3 Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 35.4 Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:



1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
3. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
5. Quyết định khen thưởng, kỷ luật các nhân viên trong công ty, ngoại trừ các nhân viên quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm;
6. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
7. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý, điều hành Công ty, số lượng nhân viên, quy chế quản lý nội bộ và bố trí cơ cấu tổ chức nhằm mục tiêu đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
8. Quyết định dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 167 của Luật doanh nghiệp;
9. Kiến nghị số lượng và các loại người điều hành công ty mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành công ty;
10. Tuyển dụng lao động;
11. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
12. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
13. Ủy quyền cho các nhân viên quản lý khác thực hiện quyền hạn của mình;

14. Chậm nhất vào quý 1 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết trong năm tài chính trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch tài chính năm;
  15. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;
  16. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  17. Được quyết định và chịu trách nhiệm về các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn; nhưng phải đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
  18. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
- 35.5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế (trong trường hợp này không tính biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Tổng giám đốc).

### **Điều 36. Người điều hành khác của Công ty**

#### 36.1. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

1. Không thuộc các đối tượng không được đảm nhiệm công tác kế toán theo quy định pháp luật.
2. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.
3. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên; có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.
4. Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
5. Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

36.2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu

đề ra trong hoạt động và tổ chức.

- 36.3 Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 37. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với người điều hành công ty**

- 37.1. Thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Người điều hành công ty thực hiện theo quy chế quản lý, điều hành của công ty.
- 37.2. Công ty ký hợp đồng lao động với Người điều hành công ty theo quy định của pháp luật về lao động.

**Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người điều hành công ty**

- 38.1. Trường hợp Người điều hành công ty xin từ chức phải gửi đơn từ chức cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 45 ngày, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị thì người điều hành công ty đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm một cách trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng, vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.
- 38.2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành công ty trong trường hợp sau:
1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm người điều hành Công ty;
  2. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
  3. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật.
  4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
- 38.3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành.

**Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty**

Công ty phải công bố về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## **Điều 40. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị**

40.1 Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

40.2 Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- 1 Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- 2 Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- 3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- 4 Tham dự các cuộc họp;
- 5 Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- 6 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- 7 Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- 8 Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- 9 Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- 10 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

40.3. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bổ nhiệm thư ký Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị, lịch hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị;
2. Tham dự các cuộc họp, ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị;
3. Dự thảo các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng



quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định đó;

4. Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu gửi đến Hội đồng quản trị;
5. Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và quy chế này;
6. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị.
7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.

40.4. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG VII**

### **QUY CHẾ LÀM VIỆC, MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 41. Tổ chức bộ máy quản lý**

- 41.1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 41.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ được giao thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.
- 41.3. Hội đồng quản trị không thành lập bộ máy điều hành riêng. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của Công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 42. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

- 42.1. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, miễn cán, thận

trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

- 42.2. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm về công việc được phân công.

#### **Điều 43. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị**

- 43.1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.
- 43.2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.
- 43.3. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- 43.4. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Tổng giám đốc.
- 43.5. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

#### **Điều 44. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

- 44.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- 44.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm mời đại diện Ban kiểm soát tham gia trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị sau khi thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về sự tham dự của mình.
- 44.3. Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành, hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

44.4. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi bản sao các quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

#### **Điều 45. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc**

- 45.1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 45.2. Tổng giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 45.3. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.
- 45.4. Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.
- 45.5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

#### **Điều 46. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc**

- 46.1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- 46.2. Ban kiểm soát kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
- 46.3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

- 46.4. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, thông báo cho Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;
- 46.5. Ban Kiểm soát có nghĩa vụ bảo mật thông tin của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.
- 46.6. Ban kiểm soát phải giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
- 46.7. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

#### **Điều 47. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

47.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

1. Cổ đông với Công ty;
2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng sáu mươi (60) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

47.2 Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.



47.3 Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## CHƯƠNG VIII.

### TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

48.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Cụ thể như sau:

1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
2. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
3. Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
4. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
5. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.
6. Các trường hợp khác theo quy định Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

48.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

48.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

**Điều 49. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này**

49.1 Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp .

49.2 Các hợp đồng, giao dịch sau đây chỉ được thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

1. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;  
Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;
2. Giao dịch có giá trị trên 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá

trị trên 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
  - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
  - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
3. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

49.3 Trừ các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 47.2 nêu trên, Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại Khoản 47.1 Điều này.

Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

49.4 Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

1. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị

thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

2. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

### **Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

- 50.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 50.2 Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
- 50.3 Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## CHƯƠNG IX

### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

#### **Điều 51. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác**

- 51.1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác.
- 51.2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

#### **Điều 52. Khen thưởng**

- 52.1. Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 52.2 Hội đồng quản trị quyết định việc khen thưởng đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý khác.
- 52.2. Chế độ khen thưởng
1. Bằng tiền.
  2. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).
  3. Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế của Công ty.
- 52.4. Mức khen thưởng: Căn cứ kết quả hoạt động thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

#### **Điều 53. Xử lý vi phạm và kỷ luật**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý, điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## CHƯƠNG X

### BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### **Điều 54. Nghĩa vụ công bố thông tin**

- 54.1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định pháp luật và quy chế công bố thông tin của Công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán, ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
- 54.2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

#### **Điều 55. Tổ chức công bố thông tin**

- 55.1. Công ty xây dựng, ban hành quy chế về công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 55.2. Người thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

## CHƯƠNG XI

### CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

#### **Điều 56. Giám sát**

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 57. Xử lý vi phạm**

Trường hợp công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XII

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 58. Điều khoản thi hành**

- 58.1. Quy chế này bao gồm ..... Chương, .... Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công

ty CP Tập đoàn Lộc Trời nhất trí thông qua ngày ..... tháng .... năm 2021 và cùng chấp nhận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

58.2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ..... tháng .... năm .....

58.3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Người đại diện theo pháp luật thứ nhất

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Người đại diện theo pháp luật thứ hai

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**NGUYỄN DUY THUẬN**

**HUỲNH VĂN THÒN**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**HUỲNH VĂN THÒN**